

LD VIETSOVPEIRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

### KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/01/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK16+PPD+TD1	7:25	9+13+0	0+0+0		4+12+6	0+0+0	
2		VSP02+CTK3	7:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
3		P2+TD2+AMD	7:25	12+0+10	0+0+0		4+6+11	0+0+0	
4		TD5+PPD+CLO	9:25	1+12+2	0+0+0		2+6+5	0+0+0	chuyen 4 td5 - clo
5		P8+AMD <sup>CTK3</sup>	9:25	3+17 + 0	0+0		3+8 + 0	0+0	
6		BK16+GTCL1+CTK3	12:00	9+5+7	0+0+0		6+5+11	0+0+0	chuyen 2 bk16 - GTCL1

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/ Đi về trong ngày CTK3-2ng, BK16-5ng; Td1 về 3 người đi PVD8



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: BK16 - PPD - TD1	CREW: PHÚ - ĐỨC - ĐANG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/0312	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VŨ VĂN MẠNH	BK16				2	36	77	XNKT	Vietnamese
2	TRẦN VĂN SƠN	BK16						62	XNKT	Vietnamese
3	LÊ THANH TUẤN	BK16						79	TTAT	Vietnamese
4	ĐỖ HỒNG SƠN	BK16						70	D-HANH	Vietnamese
5	HOANG NGỌC TÙNG	BK16	02	1	9	1	15	67	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO KIM CƯỜNG	BK16	01	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM DUY CHUNG	BK16	98	1	3			67	DK9	Vietnamese
8	LÊ MINH THĂNG	BK16	800	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯU ĐỨC TUẤN	BK16	99	1	4			88	KH-THAC	Vietnamese
10	GALLIAMOV I.M	PPD				2	24	65	KH-THAC	Russian
11	DUƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	02	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
12	CHU QUYNH AN	PPD	05	1	5			104	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI HUU HUÂN*	PPD	04	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ CHÍ KIẾN	PPD	13	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ HỒ HAI	PPD	10	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN QUANG HOÀ	PPD	06	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	PPD	07	1	2			57	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN HOÀI BAO	PPD	09	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI NGOC DUNG	PPD	11	1	8			57	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM THANH KIM	PPD	12	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	03	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	08	1	8			56	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK16	9	642	5	22	3	51	3		
2	PPD	13	888	12	66	2	24	12		
3	TD1	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	1.530	17	88	5	75	18		
WEIGHT KG			1.530		88		75			

GRAND TOAL: 1.693 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

NGUYỄN HỮU PHÚ

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: xanh-1	TO: VSP02 - CTK3	CREW: TUYỀN - NPHÚ - THỤ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/0307	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ MINH SỸ	VSP02	04	1	11			78	CODIEN	Vietnamese
2	ĐỖ XUÂN THĂNG	VSP02	08	1	15			84	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN PHẠM DUY KHANG	VSP02	05	1	10	1	19	77	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN NGOC KHOA	VSP02	06-07	2	16			90	CO DIEN	Vietnamese
5	TRINH QUỐC HUY	CTK3	21	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
6	HÀ MINH GIANG	CTK3	27-28	2	4			72	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ CÔNG KHANG	CTK3	20	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TIÊN DŨNG*	CTK3	22	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN BẠC HÀ	CTK3	25-26	2	13			65	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ CẢNH HÙNG	CTK3	16	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
11	POPOV ALEXEY	CTK3	17	1	4			77	KH-THAC	Russian
12	LÊ TUẤN VŨ	CTK3						61	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN DŨ	CTK3	29	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG ANH	CTK3	18	1	6			56	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ THANH CHUNG	CTK3						73	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ QUANG THĂNG	CTK3	32	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
17	PHÙNG ĐÌNH HẢI	CTK3	31	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	30	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀM VĂN THANH	CTK3	15	1	2			68	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ĐOÀN TUẤN MINH	CTK3	24	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HOANG*	CTK3	23	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN MINH ĐIỆN	CTK3	19	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	4	329	5	52	1	19	0		
2	CTK3	18	1.250	18	89	0	0	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.579</b>	<b>23</b>	<b>141</b>	<b>1</b>	<b>19</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.579</b>		<b>141</b>		<b>19</b>			

GRAND TOAL: 1.739 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN

ĐÀO NGỌC PHÚ

  


\* có 2 pax mang sắc dư phòng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P2 - TD2 - AMD	CREW: HUNG - LTUAN - DTUNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/0310	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LUONG VAN TANG	P2	24	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐÌNH HOÀ	P2	41	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ ĐỨC TÔN	P2	42	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN BA THUẬN	P2	32	1	14			76	CODIEN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN DŨNG	P2	39	1	13			53	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN NAM HOANG	P2	31	1	14			54	CODIEN	Vietnamese
7	VŨ TIỀN PHỤNG	P2	38	1	12			72	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY BAI	P2	36	1	12			84	CODIEN	Vietnamese
9	TRẦN MINH HOANG	P2	33	1	14			84	CODIEN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN MẠNH	P2	37	1	9			77	CODIEN	Vietnamese
11	PHAN VĂN HIỆU	P2	34	1	13	6	35	60	CODIEN	Vietnamese
12	ĐẶNG XUÂN HAI	P2	35	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
13	STANLEY FUREY	AMD	91-92	2	16			104	BAB	British
14	TRẦN LÊ HOÀ	AMD	500	1	9			60	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG THẾ HIẾN	AMD	99	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC TUẤN	AMD	92-93	2	6			56	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	95-97	3	10			60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	AMD	79	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
19	TƯƠNG ANH CẠC	AMD	94	1	10			59	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TƯỜNG	AMD	78	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
21	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	93-94	2	14			65	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ CHI CUƠNG	AMD	98	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	12	822	12	124	6	35	4		
2	TD2	0	0	0	0	2	30	6		
3	AMD	10	679	15	83	0	0	11		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.501</b>	<b>27</b>	<b>207</b>	<b>8</b>	<b>65</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.501</b>		<b>207</b>		<b>65</b>			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
LUONG MẠNH TUẤN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: TD5 - PPD - CLO	CREW: XHOÀN - NPHÚ - THỤ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/0308	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	MAI HAI LONG	TD5	16	1	7	4	69	71	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH KHÔI	PPD	14	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO VIẾT ANH	PPD	15	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
4	CAO MINH THAI	PPD	19	1	8			72	XNCD	Vietnamese
5	ASTAKHOV A.A.	PPD	26	1	6			119	VIỆT THIẾT	Russian
6	OPARIN A.A.	PPD	24	1	7			77	XNKT	Russian
7	MIKHAILOV E.V	PPD	28	1	8	2	28	93	D-HANH	Russian
8	LÊ SINH TÂM	PPD	16	1	7			97	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ VĂN LINH	PPD	17-18	2	20			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NG TIEN GIEM	PPD	22-23	2	17			75	KHI	Singapore
11	LÊ QUANG HUY	PPD	20-21	2	16			72	KHI	Vietnamese
12	SVYATOKHO V.V.	PPD	27	1	5			84	NIPI	Russian
13	KUSTOV A.A.	PPD	25	1	6			98	NIPI	Russian
14	TRẦN QUANG HUY	CLO	14-15	2	16	2	40	91	DVL	Vietnamese
15	ĐỖ MINH HOÀNG*	CLO	13	1	16	3	55	76	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	1	71	1	7	4	69	2	4	CHUYEN 4 PAX TD5-CLO
2	PPD	12	1.002	15	114	2	28	6		
3	CLO	2	167	3	32	5	95	6		
<b>TOTAL</b>		<b>15</b>	<b>1.240</b>	<b>19</b>	<b>153</b>	<b>11</b>	<b>192</b>	<b>14</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.240</b>		<b>153</b>		<b>192</b>			

GRAND TOAL: 1.585 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

ĐÀO NGỌC PHÚ



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: XANH-2	TO:AMD - P8 - CTK3	CREW: HUNG - LTUÁN - DTÙNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/0311	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG NHAN ĐỨC	AMD	92-93	2	7			69	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	AMD	94	1	3			75	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	37	1	6			66	PSV	Vietnamese
4	VÔ VĂN KHÔI*	AMD	39-40	2	9			76	HA VIỆT	Vietnamese
5	BUI VĂN ĐỨC	AMD	87-88	2	7			67	HA VIỆT	Vietnamese
6	ĐẶNG THÈ ĐAI	AMD	99	1	9			51	HA VIỆT	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU HIẾU*	AMD	42	1	6			55	HA VIỆT	Vietnamese
8	HỒ TRỌNG ĐỨC	AMD	38	1	7			59	HA VIỆT	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN MẠNH	AMD	41	1	9			82	HA VIỆT	Vietnamese
10	NGUYỄN MAU THÔNG	AMD	400	1	11			79	HA VIỆT	Vietnamese
11	DƯƠNG KHÁC TÙNG	AMD	89	1	5			65	HA VIỆT	Vietnamese
12	TRỊNH NGỌC HUNG*	AMD	90	1	8			60	HA VIỆT	Vietnamese
13	VÔ THANH TRUNG	AMD	97-98	2	8			49	HA VIỆT	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TUẤN*	AMD	44	1	8			68	HA VIỆT	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC TUẤN	AMD	43	1	13			61	HA VIỆT	Vietnamese
16	PHAN LÊ THANH TÍN	AMD	91	1	7			82	HA VIỆT	Vietnamese
17	NGÔ VĂN BÌNH	AMD	95-96	2	10			63	HA VIỆT	Vietnamese
18	HOANG MINH THUẬN	P8	55-56	2	14			69	NAM TIỀN	Vietnamese
19	NGUYỄN VÔ PHI CƯỜNG	P8	57	1	8	1	15	62	NAM TIỀN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU CHIÊN	P8	59	1	12			69	NAM TIỀN	Vietnamese
21	ĐỖ VĂN CÔNG	CTK3	14	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM HONG SON 10908	CTK3	12	1	10	1	12	63	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	17	1.127	22	133	0	0	8		
2	P8	3	200	4	34	1	15	3		
3	CTK3	2	139	2	20	1	12	10		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.466</b>	<b>28</b>	<b>187</b>	<b>2</b>	<b>27</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.466</b>		<b>187</b>		<b>27</b>			

GRAND TOAL: 1.680 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG   
LƯƠNG MẠNH TUẤN

*4 pax mang sạc dự phòng*



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: BK16 - GTC1 - CTK3	CREW: XHOÀN - SON - MQUÂN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/0309	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM MINH ĐỨC *	BK16	20-21	2	17			88	XAYLAP	Vietnamese
2	VÕ TIÊN PHÁT	BK16				2	24	75	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN LAM	BK16	18-19	2	20			78	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ANH	BK16	16-17	2	17			62	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ HỒNG PHONG	BK16	14-15	2	13			61	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ VĂN CÔNG	BK16	10-11	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VĂN GIANG	BK16				2	29	80	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN THỊNH	BK16	06-07	2	11			63	PSV	Vietnamese
9	PHAN HUY THƯƠNG	BK16	08-09	2	17			79	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN PHI KHAI HOÀN	GTC1	87-88	2	5			69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HÙNG	GTC1						80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN SƠN TÙNG	GTC1						77	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN TUYẾN	GTC1						68	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG THAI LONG	GTC1	86	1	7			54	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	05	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC TUẤN	CTK3	09	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3	11	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ HỮU ĐỨC *	CTK3	08	1	11			93	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM THANH HAI (17773)	CTK3	10	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC KHIÊM	CTK3	06-07	2	8			93	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK16	9	648	14	115	4	53	7	2	CHUYEN 2 PAX BK16-GTC1
2	GTC1	5	348	3	12	0	0	5		
3	CTK3	6	464	7	45	0	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.460</b>	<b>24</b>	<b>172</b>	<b>4</b>	<b>53</b>	<b>18</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.460</b>		<b>172</b>		<b>53</b>			

GRAND TOAL: 1.685 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN  
PHẠM THÁI SƠN